

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Anh

2. Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Xuân Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1993;

- Bị đơn: anh Trần Mạnh L, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: thôn 4, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Mạnh L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ). Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, có mối quan hệ ngoài luồng, vợ chồng đã lâu không có tiếng nói chung, sống với nhau nhưng không còn tôn trọng nhau. Nay, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo K, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Trần Hoàng Linh Đ, sinh ngày 15/10/2017. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Trần Hoàng Bảo K và Trần Hoàng Linh Đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh Trần Mạnh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2026 chị D trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có tạo lập được 2 chiếc xe tải, 2 cây vàng cùng một số tài sản khác. Tuy nhiên, chị muốn anh L thỏa thuận thỏa đáng cho mẹ con chị, để chị có điều kiện nuôi con. Nguyện vọng của chị là anh L trả đủ cho chị 320.000.000 đồng để chị có điều kiện nuôi dạy con nhưng anh L không đồng ý nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, chị sẽ bổ sung yêu cầu khởi kiện sau. Vào ngày 30/3/2026, tại bản tự khai chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì hiện nay chị chưa cung cấp được chứng cứ nên chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Mạnh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị D có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng khiến cho đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo Kg, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Trần Hoàng Linh Đ, sinh ngày 15/10/2017. Khi ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị D, giao các cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh Đ cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về tố tụng và hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Mạnh L.

Về nuôi con chung: Đối với cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh

Đ, thì thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh L thống nhất giao các cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh Đ cho chị D nuôi dưỡng, đồng thời cháu K và cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị D, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh Đ cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Mạnh L có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ). Bị đơn anh Trần Mạnh L hiện đang cư trú tại xã T, thành phố Đà Nẵng. Chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Trần Mạnh L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Mạnh L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Mạnh L là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản khai của các đương sự đều thừa nhận hiện tại vợ chồng bất đồng quan điểm trong hôn nhân dẫn đến thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, hiện tại tình cảm anh, chị không còn, các anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị D và anh L không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Mạnh L là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Mạnh L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo K, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Trần Hoàng Linh Đ, sinh ngày 15/10/2017. Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Mạnh L đều thống nhất giao các cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh Đ cho chị

Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, đồng thời cháu K và cháu Đ hiện nay đã trên 7 tuổi, các cháu có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được sống cùng với chị D. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Trần Hoàng Bảo K và Trần Hoàng Linh Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Mạnh L thống nhất theo yêu cầu của chị D, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hoàng Bảo K và Trần Hoàng Linh Đ mỗi cháu mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Trần Mạnh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Mạnh L.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Trần Hoàng Bảo K, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Trần Hoàng Linh Đ, sinh ngày 15/10/2017 cho chị Trần Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Mạnh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hoàng Bảo K và Trần Hoàng Linh Đ mỗi cháu, mỗi tháng là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án hôn nhân và gia đình này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Hoàng Bảo K và cháu Trần Hoàng Linh Đ đủ 18 tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0007099** ngày 15/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung, anh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đà Nẵng ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mận